TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2019
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Trịnh Văn Điệp

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Việt Xô - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T sống chung từ năm 1999, hôn nhân do ông tự nguyện lựa chọn, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Lý do ông yêu cầu ly hôn: Ông và bà T thường cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay, ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông và bà T có 2 người con chung gồm: Nguyễn Thị K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2000, Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2008. Nguyễn Thị K đã trên 18 tuổi, còn Nguyễn Nhựt H dưới 18 tuổi. Ông yêu cầu nuôi con và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Nhựt H 700.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà và ông C có 2 người con chung gồm: Nguyễn Thị K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2000, Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2008. Nguyễn Thị K đã trên 18 tuổi, còn Nguyễn Nhựt H dưới 18 tuổi. Con hiện nay do ông C nuôi. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Nhựt H 700.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông C không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bà T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau từ năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông C và bà T có 2 người con chung gồm: Nguyễn Thị K, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2000, Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2008. Nguyễn Thị K đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi con của ông C và bà T. Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2008 đã trên 07 tuổi và dưới 18 tuổi, cháu Hào có nguyện vọng được cha là ông Nguyễn Văn C nuôi nên tiếp tục giao cháu Hào cho ông C nuôi là đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Hào nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông C yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng; bà T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Hào 700.000 đồng/tháng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông C và bà T xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình. Bà T chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: + Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, các Điều 53, 81, 82, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2008 cho ông Nguyễn Văn C nuôi. Bà Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhựt H 700.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Hào đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T không thanh toán xong khoản tiền trên, bà T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình, ông C có nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002685, ngày 13 tháng 02 năm 2019, được chuyển thu đối trừ. Bà T phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Ông C được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Minh Trung